

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

#### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

##### 1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: May trang phục Y tế và đồ vải phục vụ công tác chuyên môn năm 2025

- Địa điểm giao nhận hàng hóa: Bệnh viện đa khoa Hà Đông. Địa chỉ: Số 2, Bế Văn Đàn, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

##### 2. Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Danh mục sản phẩm	Mô tả hàng hoá
1.	Bộ quần áo bác sĩ nam/nữ dài tay	Màu: trắng Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế
2.	Bộ quần áo hộ lý nam/nữ dài tay	Màu xanh hòa bình Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế
3.	Váy liền Điều dưỡng dài tay	Màu trắng Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế
4.	Bộ ĐP Nhân viên cổ tim VP mẫu mới	Màu: Xanh Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế.
5.	Áo quần lót mổ (mẫu mới)	Màu: xanh Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế.
6.	Bộ quần áo lót phẫu thuật ( khoa Nội Tim Mạch)	Màu: xanh Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế.
7.	Váy phòng CTXH cột tay (màu xanh)	Màu xanh Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế
8.	Áo Vest nữ CTXH	Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế
9.	Bộ ĐP nam, nữ Nhân viên áo dài tay	Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế
10.	Bộ quần áo bệnh nhân cỡ lớn	Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế
11.	Quần áo bệnh nhân chân thương	Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế
12.	Áo choàng phẫu thuật	Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-

	màu xanh	BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế
13.	Áo choàng ( dùng cho bệnh nhân thở máy)	Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế
14.	Săng Kaki 2 lớp 1.45*1.5m màu oliu	May gấp mép xung quanh, chiều rộng gấp mép 0,8cm
15.	Săng Kaki 1 lớp 1.5*1.5m màu xanh	May gấp mép xung quanh, chiều rộng gấp mép 0,8cm
16.	Săng Kaki 1.45*2.2m màu xanh	May gấp mép xung quanh, chiều rộng gấp mép 0,8cm
17.	Săng 0.73*0.90m không lỗ màu xanh	May gấp mép xung quanh, chiều rộng gấp mép 0,8cm
18.	Săng 0.73*0.90m có lỗ 15cm màu xanh	May gấp mép xung quanh, chiều rộng gấp mép 0,8cm
19.	Săng 0.73*0.90m có lỗ 7cm màu xanh	May gấp mép xung quanh, chiều rộng gấp mép 0,8cm
20.	Săng bọc Catheter 0,25*0,25 màu xanh	Quy cách may: May 1 lớp có viền, kích thước dài 0,25m , rộng 0,25m, có cúc bấm ở 4 góc
21.	Ga 2m*2.9m màu trắng in logo	Quy cách: May viền quanh ga 0,5cm; Vải in họa tiết logo bệnh viện theo thiết kế.
22.	Bình Phong 0,65 x 1,42m màu trắng in logo	Màu trắng in họa tiết - Thành phần nguyên liệu: 83%polyester/17%bông - Khối lượng: 195 g/m <sup>2</sup>
23.	Chăn trần màu xanh	Màu xanh Trần bông hoá học, đường chỉ may trần ô quả trám 12cm, kích thước 1.6m x 2.0m, dày bông ≥4cm, trọng lượng ≥1.6kg,
24.	Vỏ chăn màu xanh	Màu xanh Vỏ chăn may lộn, cửa chăn may quai xuống 20cm, phía trong 4 góc có dây nhỏ dài 15cm để buộc dính ruột chăn.
25.	Áo sản	Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế
26.	Váy sản	Kiểu dáng theo quy định tại thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế
27.	Bộ quần áo lái xe,điện nước,vật tư y tế	Vải Kaki màu xanh nước biển Áo kiểu bluzong, cổ đực áo có đai; Quần bảo hộ lao động có 2 túi chéo, 2 túi hậu.
28.	Áo bình Oxy	Màu trắng - Thành phần nguyên liệu: 100%polyester
29.	Khăn tắm vuông 0,8 x 0,8m	Chất liệu: Cotton 100% Màu sắc: Màu trắng Kích thước: Dài 80cm, rộng 80 cm

30.	Khăn ủ sơ sinh có mũ 0,9 x 0,9 m	- Thành phần nguyên liệu: Cotton 100% Màu sắc: Màu trắng Kích thước: Dài 90cm, rộng 90 cm
31.	Bộ sơ sinh cả mũ	- Thành phần nguyên liệu: Cotton 100%
32.	Mũ sơ sinh	- Thành phần nguyên liệu: Cotton 100%
33.	Khăn ủ trần bông có mũ KT 0,9 x 0,9 m	- Thành phần nguyên liệu: Cotton 100% Màu sắc: Màu trắng Kích thước: Dài 90cm, rộng 90 cm
34.	Gối	Mút sộp bọc da
35.	Vỏ gối	Màu trắng - Thành phần nguyên liệu: 65%polyester/35%bông - Khối lượng: 115 g/m <sup>2</sup>
36.	Cavat	Màu sắc nhã nhặn phù hợp với màu vest. Thành phần + Polyeste: 100%
37.	Khăn quàng cổ	Kiểu dáng: Khăn vuông chất liệu mềm mại, không xù, màu sắc sang trọng Thành phần + Polyeste: 100%
38.	Bộ ĐP vest nam	Màu xanh đen, chất liệu: Thành phần nguyên liệu: 65%len/5% tơ tằm/30% polyester - Khối lượng: 210 g/m <sup>2</sup>
39.	Bộ ĐP vest nữ	Màu xanh đen, chất liệu: Thành phần nguyên liệu: 47%Polyeste, 30%Len, 20%Visco, 3%Spandex - Khối lượng: 210 g/m <sup>2</sup>
40.	Quần thũng có vạt	Quần cạp chun. Được khoét vùng mông kích thước đường kính 30cm

## C. CHI TIẾT CHẤT LIỆU VẢI

### 1/Yêu cầu vải cho

+ Bộ quần áo Blouse Bác sỹ, Dược sỹ, Điều dưỡng

Màu : trắng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Kiểu dệt		Vân điểm		TCVN 4897: 1989
	Độ nhỏ sợi tách ra từ				TCVN 5095 :

2	vải	Ne			1990
	- Dọc		30/2	± 3	
	- Ngang		30/2	± 3	
3	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste/ Visco (65/35)	± 5	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-11: 2009
4	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	210	± 5	TCVN 8042: 2009

**2/ Yêu cầu cho vải Bộ Quần áo hộ lý**  
**Màu: xanh hoà bình**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải				TCVN 5095 : 1990
	Dọc	Ne	45/2	±2	
	Ngang	Ne	45/2	±2	
2	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste: 65 Visco: 20 Bông: 15	±3	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-2: 2009 TCVN 5465-11: 2009 TCVN 5465-12: 2009
3	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	160	±5	TCVN 8042: 2009
4	Kiểu dệt		Vân điểm		TCVN 4897: 1989

**3/ Yêu cầu cho vải Váy liền điều dưỡng dài tay**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Mật độ sợi				TCVN 1753: 1986
	Dọc	10cm	470	±3%	
	Ngang	10cm	360	±3%	
2	Thành phần nguyên liệu	%		±3	ISO/TR 11827: 2012

			Polyeste: 79 Visco: 16 Spandex: 5		TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-2: 2009 TCVN 5465-11: 2009 TCVN 5465-12: 2009
3	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	230	±5	TCVN 8042: 2009
4	Kiểu dệt		Chéo 2/2		TCVN 4897: 1989

#### 4/ Yêu cầu cho vải:

- Bộ ĐP nhân viên cổ tim
- Áo quần lót mỗ
- Bộ quần áo lót phẫu thuật
- Áo choàng phẫu thuật

TT	Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Kiểu dệt			Vân điểm 1/1		TCVN 4897: 1989
2	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải		Ne			TCVN 5095 : 1990
	- Dọc			20/1	± 3	
	- Ngang			20/1	± 3	
3	Thành phần nguyên liệu		%	Polyeste/ Bông (83/17)	± 3	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-11: 2009
4	Khối lượng thực tế		g/m <sup>2</sup>	195	± 5	TCVN 8042: 2009
5	Độ bền màu giặt A(1) ở 40°C	Thay đổi màu	Cấp	≥4-5	/	TCVN 7835-C10:2007
		Dây màu		≥4-5	/	

#### 5./ Yêu cầu vải cho Váy phòng CTXH, Vest nữ CTXH

##### Màu xanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
----	----------	-------------	----------	----------	-----------------

1	Mật độ sợi				TCVN 1753: 1986
	Dọc	10cm	470	±3%	
	Ngang	10cm	360	±3%	
2	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste: 79 Visco: 16 Spandex: 5	±3	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-2: 2009 TCVN 5465-11: 2009 TCVN 5465-12: 2009
3	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	230	±5	TCVN 8042: 2009
4	Kiểu dệt		Chéo 2/2		TCVN 4897: 1989

#### 6./ Yêu cầu vải cho Quần ĐP nam, nữ nhân viên hành chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Kiểu dệt		Vân chéo 2/2		TCVN 4897: 1989
2	Độ lệch màu so với Pantone số 19-3922 TCX (cấp)	Cấp	4	≥4	ISO 105-A02:1993
3	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Nm			TCVN 5095 : 1990
	- - Dọc		80/2	± 3	
	- - Ngang		45/1	± 3	
4	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste: 47	± 3	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-2: 2009 TCVN 5465-4: 2009
			Len: 30	± 3	
			Visco: 20	± 3	
			Spandex: 3	± 1	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
					TCVN 5465-11: 2009 TCVN 5465- 12: 2009
5	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	215	± 5	TCVN 8042: 2009
6	Mật độ sợi	Sợi/10 cm			TCVN 1753: 1986
	- - Dọc		380	± 3%	
	- - Ngang		400	± 3%	

### 7./ Yêu cầu vải cho trang phục áo của nhân viên hành chính

Màu sắc: Trắng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử	
1	Kiểu dệt		Vân điểm		TCVN 4897: 1989	
2	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Ne			TCVN 5095 : 1990	
	- Dọc		45//2	± 3		
	- Ngang		Sợi không có lõi chun	40/1		± 3
			Sợi lõi chun	40/1		
		D	10			
3	Thành phần nguyên liệu	%	Polyester: 42	± 3	ISO/TR 11827:2012 TCVN5465- 1: 2009 TCVN5465- 2: 2009 TCVN5465- 6: 2009 TCVN5465- 11: 2009 TCVN5465- 12: 2009	
			Bông: 28	± 3		
			Visco: 28	± 3		
			Spandex: 2	± 1		
4	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	150	± 5	TCVN 8042: 2009	
	Mật độ sợi	Sợi/10				

5	- Dọc	cm	310	± 3%	TCVN 1753: 1986
	- Ngang		345	± 3%	
6	Độ lệch màu so với Pantone số 11- 4001 TCX (cấp)	Cấp	4	≥4	ISO 105- A02:1993

### 8./ Yêu cầu vải cho:

- Bộ quần áo bệnh nhân cỡ lớn
- Bộ quần áo bệnh nhân chấn thương
- Áo choàng (dùng cho bệnh nhân thở máy)
- Áo sản, váy sản

Màu sắc: in họa tiết theo yêu cầu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử	
1	Kiểu dệt		Vân điểm		TCVN 4897: 1989	
2	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Ne			TCVN 5095 : 1990	
	- Dọc		45/1	± 3		
	- Ngang		45/1	± 3		
3	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste/ Bông (65/35)	± 5	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-11: 2009	
4	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	115	± 5	TCVN 8042: 2009	
5	Độ bền màu giặt A(1) ở 40°C	Thay đổi màu	Cấp	≥4-5	/	TCVN 7835- C10:2007
		Dây màu		≥4-5	/	

### 9./ Yêu cầu vải cho Săng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Kiểu dệt		Vân chéo 3/1		TCVN 4897: 1989
2	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Ne			TCVN 5095 : 1990
	- Dọc		20/1	± 3	
	- Ngang		10/1	± 3	

3	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste/ Bông (83/17)		ISO/TR 11827: 2012 TCVN5465- 1:2009 TCVN5465- 11:2009
4	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	260	± 5	TCVN 8042: 2009

### 10./ Yêu cầu vải cho Ga, bình phong

Màu: Trắng

TT	Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Kiểu dệt			Vân điểm 1/1		TCVN 4897: 1989
2	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải		Ne			TCVN 5095 : 1990
	- Dọc			20/1	± 3	
	- Ngang			20/1	± 3	
3	Thành phần nguyên liệu		%	Polyeste/ Bông (83/17)	± 3	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-11: 2009
4	Khối lượng thực tế		g/m <sup>2</sup>	195	± 5	TCVN 8042: 2009
5	Độ bền màu giặt A(1) ở 40 <sup>0</sup> C	Thay đổi màu	Cấp	≥4-5	/	TCVN 7835- C10:2007
		Dây màu		≥4-5	/	

### 11./ Yêu cầu vải cho Vỏ chăn, chăn trần

Màu xanh

- Thành phần nguyên liệu: 100% polyester

### 12./ Yêu cầu vải cho bộ quần áo lái xe, điện nước, vật tư, y tế

TT	Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Kiểu dệt			Chéo 2/1		TCVN 4897: 1989
2	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải		Ne			TCVN 5095 : 1990
	- Dọc			20/1	± 2	
	- Ngang			20/1	± 2	

3	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste/ Bông (40/60)	± 3	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-11: 2009
4	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	200	± 5	TCVN 8042: 2009

**13./ Yêu cầu vải cho Bình oxy**

- Thành phần nguyên liệu: 100% polyester

**14./ Yêu cầu vải cho khăn tắm, khăn ủ**

- Thành phần nguyên liệu: Cotton 100%

**15./ Yêu cầu vải cho bộ sơ sinh, mũ sơ sinh**

- Thành phần nguyên liệu: Cotton 100%

**16./ Vỏ gói:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Kiểu dệt		Vân điểm		TCVN 4897: 1989
2	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Ne			TCVN 5095 : 1990
	- Dọc		45/1	± 3	
	- Ngang		45/1	± 3	
3	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste/ Bông (35/65)	± 3	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-11: 2009
4	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	115	± 5	TCVN 8042: 2009

**17./ Yêu cầu vải cho cavat, khăn quàng cổ**

- Thành phần nguyên liệu: 100% polyester

**18./ Yêu cầu vải cho bộ ĐP vest nam**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Kiểu dệt		Vân chéo 2/2		TCVN 4897: 1989

2	Độ lệch màu so với Pantone số 19-3922 TPG	Cấp	4	$\geq 4$	ISO 105-A02:1993
3	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Nm			TCVN 5095 : 1990
	- Dọc		86/2	$\pm 3$	
	- Ngang		86/2	$\pm 3$	
4	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste: 30	$\pm 3$	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-2: 2009 TCVN 5465-4: 2009 TCVN 5465-18: 2009
			Len: 65	$\pm 3$	
			Lụa: 5	$\pm 3$	
5	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	208	$\pm 5$	TCVN 8042: 2009
6	Mật độ sợi	Sợi/10 cm			TCVN 1753: 1986
	- Dọc		399	$\pm 3\%$	
	- Ngang		351	$\pm 3\%$	

### 19./ Yêu cầu vải cho bộ ĐP vest nữ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Kiểu dệt		Vân chéo 2/2		TCVN 4897: 1989
2	Độ lệch màu so với Pantone số 19-3922 TCX (cấp)	Cấp	4	$\geq 4$	ISO 105-A02:1993
3	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải	Nm			TCVN 5095 : 1990

	- Dọc		80/2	± 3	
	- Ngang		45/1	± 3	
4	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste: 47	± 3	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-2: 2009 TCVN 5465-4: 2009 TCVN 5465-11: 2009 TCVN 5465-12: 2009
			Len: 30	± 3	
			Visco: 20	± 3	
			Spandex: 3	± 1	
5	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	215	± 5	TCVN 8042: 2009
6	Mật độ sợi	Sợi/10 cm			TCVN 1753: 1986
	- Dọc		380	± 3%	
	- Ngang		400	± 3%	

## 20./ Yêu cầu vải cho quần thừng có vạt

-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Độ nhỏ sợi tách ra từ vải				TCVN 5095 : 1990
	- Dọc	Ne	45/2	±2	
	- Ngang	Ne	45/2	±2	
2	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste: 65 Visco: 20 Bông: 15	±3	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1: 2009 TCVN 5465-2: 2009 TCVN 5465-11: 2009 TCVN 5465-12: 2009
3	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	150	±5	TCVN 8042: 2009

4	Kiểu dệt		Vân điểm		TCVN 4897: 1989
---	----------	--	----------	--	--------------------

### Ghi chú:

- Nhà thầu có thể chào thầu hàng hoá có thông số đúng hoặc tương đương hoặc tốt hơn yêu cầu (tương đương được hiểu là đáp ứng toàn bộ các thông số kỹ thuật được nêu trên (Nhà thầu phải có thuyết minh, lập bảng so sánh và cung cấp tài liệu chứng minh tính tương đương), tốt hơn được hiểu là công nghệ ra sau và có những thông số kỹ thuật cao hơn so với các thông số kỹ thuật được yêu cầu và không có thông số nào thấp hơn (Nhà thầu phải có thuyết minh, lập bảng so sánh và cung cấp tài liệu chứng minh hàng hoá tốt hơn yêu cầu của E-HSMT)). Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hoá dự thầu trong đó có tuyên bố đáp ứng và nêu rõ tên tài liệu kỹ thuật, vị trí trên tài liệu kỹ thuật để tham chiếu chứng minh tính đáp ứng của hàng hoá chào thầu.
- Tên hãng sản xuất, model, ký mã hiệu của hàng hóa (nếu có) nêu trong E-HSMT chỉ mang tính chất tham khảo để Nhà thầu cung cấp hàng hoá có tính chất tương đương hoặc tốt hơn hàng hoá yêu cầu của E-HSMT.

### 3. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải có cam kết đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nhà thầu cam kết sẽ cung cấp mẫu vải (kích thước 1m\*1m) đến Chủ đầu tư trước hoặc sau thời điểm đóng thầu (trường hợp nộp sau thời điểm đóng thầu thì tối đa là 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu) và cam kết trong trường hợp trúng thầu thì Nhà thầu sẽ cung cấp hàng hoá của gói thầu theo màu vải, chất liệu vải, quy cách kỹ thuật quy định tại Chương V của E-HSMT.
- Nhà thầu phải cam kết giá dự thầu của Nhà thầu đã bao gồm các loại thuế; phí; lệ phí; nguyên vật liệu; công may đo; lấy số đo cụ thể của từng người; vận chuyển hàng hoá đến nêu trên và các chi phí cần thiết khác để Nhà thầu hoàn thành gói thầu.
- Toàn bộ thiết bị chào thầu phải được bảo hành tại địa điểm sử dụng tối thiểu 12 tháng.
- Thời gian khắc phục các hư hỏng, sai sót của hàng hóa kể từ khi nhận được yêu cầu của đơn vị mua sắm: không quá 24 giờ.
- Nhà thầu phải cung cấp thông tin của đơn vị bảo hành bao gồm: Địa chỉ, số điện thoại di động của người chịu trách nhiệm công tác bảo hành.
- Cam kết hỗ trợ kỹ thuật và cung cấp linh kiện phụ tùng thay thế sau bảo hành của nhà sản xuất hoặc đại diện nhà sản xuất tại Việt Nam.
- Đối với trang phục nhân viên y tế phải có in Logo, chức danh nghề nghiệp, tên

nhân viên y tế nằm trên ngực trái.

- Nhà thầu phải cam kết chất lượng in không phai màu, bong tróc trong thời hạn bảo hành.

**Mục 2. Bản vẽ:** Quy cách của một số hàng hoá Nhà thầu tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế.

Nhà thầu phải có cam kết hàng hóa tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 45/2015TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế.

**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:**

Trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư có quyền yêu cầu mang hàng hóa đi giám định bởi đơn vị thứ 3 có chức năng được cấp phép để chứng minh tính đáp ứng của nguyên liệu và hàng hóa theo đúng với yêu cầu kỹ thuật được quy định tại chương V của E-HSMT. Nếu kết quả có sự sai khác và Nhà thầu không giải trình được thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đạt về kỹ thuật và được coi là có hành vi gian lận, cố tình cung cấp tài liệu không trung thực, sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Đấu thầu.

Chi phí thực hiện do bên nhà thầu chịu trách nhiệm chi trả.